

Kon Rẫy, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng 09 tháng đầu năm 2023 của Công ty Lâm nghiệp Kon Rẫy

Kính gửi: Thanh tra tỉnh Kon Tum

Căn cứ Công văn số 2493/UBND-NC, ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Công văn số 494/TTr-NV3, ngày 08/8/2022 của Thanh tra tỉnh Kon Tum về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Công văn số 45/UBND-NC, ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc bổ sung một số nội dung trong báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Công văn số 415/TTr-NV3, ngày 12/06/2023 của Thanh tra tỉnh Kon Tum về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng 09 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN.

- Phát huy vai trò người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ. Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực; triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định, các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật PCTN và Luật Lâm nghiệp.

- Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng chuyên môn, Đội cơ động BVR & PCCCR, Chi nhánh Lâm trường, Trạm QL BVR trực thuộc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng trong sản xuất kinh doanh,

Quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật.

- Ban lãnh đạo Công ty chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực (nếu có), không bao che, dung túng.

- Phối hợp chặt chẽ thực hiện công tác phòng chống tham nhũng trong nội bộ đơn vị, triển khai các nội dung theo văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành về phòng chống tham nhũng.

- Nghiêm túc triển khai, ban hành các văn bản chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện về công tác phòng chống tham nhũng.

b. Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN.

Thực hiện đầy mạnh, khẳng định mạnh mẽ quyết tâm chống tham nhũng của cấp ủy Đảng, đơn vị và được đảng viên, cán bộ, lao động quản lý và người lao động đồng tình ủng hộ, đánh giá cao, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, làm trong sạch bộ máy của đơn vị.

c. Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

Sau khi nhận văn bản chỉ đạo, Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện lập danh mục công khai, minh bạch theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực quản lý: lĩnh vực tài chính và lĩnh vực lao động, việc làm.

d. Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN.

Để giúp đơn vị thực hiện tốt công tác PCTN, phòng Tổ chức - Hành chính là phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ, trách nhiệm làm đầu mối, nghiên cứu, tham mưu cho Ban lãnh đạo triển khai thực hiện khi có văn bản chỉ đạo và kiểm tra trong nội bộ đơn vị về công tác PCTN.

đ. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN.

- Thực hiện lồng ghép, kết hợp sinh hoạt Chi bộ và họp giao ban định kỳ trong đơn vị để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp, các ngành và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, UBND huyện về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Quán triệt nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, nhất là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ

chức, đơn vị và triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định các văn bản về công tác phòng, chống tham nhũng;

- Thủ trưởng đơn vị luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu để lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phòng chống tham nhũng. Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng; triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định, các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật PCTN và Luật Lâm nghiệp.

- Nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ và người lao động trong công tác phòng chống tham nhũng về tài chính, sản xuất kinh doanh, quản lý bảo vệ rừng, PCCCR của đơn vị.

- Chủ động lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền hiệu quả, đúng thời gian quy định và phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của đơn vị;

- Tăng cường ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin tuyên truyền, phổ biến về phòng chống tham nhũng (*như zalo, facebook, trang thông tin điện tử của đơn vị, hệ thống quản lý văn bản và điều hành Ioffice*).

2. Về thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, địa phương

a. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, kê khai minh bạch tài sản, thu nhập của người quản lý, lao động quản lý; chuyển đổi vị trí công tác; công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị theo quy định nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả hành vi tham nhũng.

- Các Phòng chuyên môn, Đội cơ động BVR & PCCCR, Chi nhánh Lâm trường, Trạm QL BVR trực thuộc luôn thực hiện việc công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN và Luật Lâm nghiệp.

- Nghiêm túc triển khai, ban hành các văn bản chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra việc công khai, minh bạch trong các hoạt động nhằm chấn chỉnh kịp thời các vi phạm, góp phần phòng ngừa tham nhũng phát sinh.

b. Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

- Thực hiện Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14/12/2020 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; xây dựng quy chế, nội quy của đơn vị tạo điều kiện cho người quản lý, lao động quản lý và người lao động được biết về chế độ, chính sách được hưởng, được bàn luận, tham gia ý kiến đóng góp các vấn đề của đơn vị.

- Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, thỏa ước lao động tập thể, đơn vị có quy định rõ ràng từng định mức chi tiêu hàng tháng như: phương tiện đi lại, trang thiết bị, văn phòng phẩm... nhằm thực hiện hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định.

c. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

- Việc kiểm tra thực hiện chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính: Đơn vị nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong thời gian vừa qua, Ban lãnh đạo Công ty phối hợp với các đoàn thể triển khai kiểm tra và không có cá nhân vi phạm về kỷ cương, kỷ luật hành chính.

- Việc xây dựng quy tắc ứng xử của người quản lý, lao động quản lý: Thường xuyên rà soát, chỉ đạo người lao động duy trì và thực hiện nghiêm túc về ứng xử trong giao tiếp, phong cách làm việc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; tự rèn luyện mình, nâng cao ý thức trách nhiệm của cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ.

- Kết quả thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà tặng: Không có.

- Việc tổ chức rà soát xung đột lợi ích, kết quả giải quyết xung đột lợi ích: Không có.

d. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn.

Việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, công khai kế hoạch: Kế hoạch số 18/KH-C.Ty, ngày 11/05/2023 về việc thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác tại Công ty Lâm nghiệp Kon Rẫy năm 2023.

- Trong 9 tháng đầu năm 2023 đơn vị thực hiện chuyển đổi vị trí công tác cho lao động quản lý:

+ Quý I, tháng 1: luân chuyển 02 Đồng chí: Giám đốc Chi nhánh Lâm trường Đắk Ruồng và Giám đốc Chi nhánh Lâm trường Măng Đen.

+ Quý II, tháng 3: luân chuyển 02 Đồng chí: Phó Đội trưởng Đội cơ động BVR&PCCCR và Phó Giám đốc Chi nhánh Lâm trường Măng Đen.

+ Quý III, tháng 9: điều động và bổ nhiệm 01 Đồng chí: Giám đốc Chi nhánh Lâm trường Măng Đen về giữ vị trí Phó Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng.

- Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác: Không có.

đ. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Tiếp tục thực hiện hệ thống Cổng thông tin điện tử đơn vị phục vụ chương trình cải cách hành chính; tiếp tục ứng dụng tốt hệ thống Ioffice để chuyển văn bản trong nội bộ đơn vị và các Sở, cơ quan ban ngành tỉnh, huyện theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh về việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, giúp đơn vị tiết kiệm thời gian, giảm chi phí in ấn tài liệu, lưu trữ tìm kiếm văn bản.

- Đơn vị thực hiện theo đúng chủ trương của Nhà nước về việc chi trả lương qua tài khoản đối với tất cả người quản lý, lao động quản lý và người lao động thông qua hệ thống Ngân hàng. Đồng thời, hạn chế chi tiền mặt cho việc thanh toán cá nhân, đơn vị trực thuộc.

e. Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo Luật phòng, chống tham nhũng. Thực hiện rà soát, tổng hợp gửi bảng kê khai về Thanh tra tỉnh theo đúng quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, địa phương

- Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện: Không có.
- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: Không có.

a. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Không có.

b. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra

- Kết quả công tác thanh tra, kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra (*kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...*);

Không có.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không có.
- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra; kết quả xử lý: Không có.

c. Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng:

+ Số kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận về những hành vi tham nhũng, những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong thực thi nhiệm vụ công vụ của người có chức vụ, quyền hạn (*tiếp nhận trực tiếp, qua đường dây nóng, ...*): Không có.

+ Số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã được giải quyết, kết quả giải quyết; kết quả xử lý cá nhân, tổ chức vi phạm: Không có.

+ Số vụ tham nhũng, đối tượng tham nhũng phát hiện thông qua báo cáo về hành vi tham nhũng; kết quả xử lý: Không có.

- Việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

+ Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng: Không có.

+ Số vụ tham nhũng, đối tượng tham nhũng phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết quả xử lý: Không có.

- Kết quả bảo vệ người phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng (*nếu có*): số người yêu cầu được bảo vệ; số người được cơ quan chức năng áp dụng biện pháp bảo vệ; số người bị xử lý do trả thù, trù dập; số người đứng đầu bị xử lý do để xảy ra tình trạng người tố cáo, phản ánh, tố giác bị trả thù, trù dập: Không có.

d. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác

- Việc tiếp nhận, xử lý thông tin và phát hiện, xử lý tham nhũng qua đường đường dây nóng của Ủy ban nhân dân tỉnh về chi phí không chính thức (*Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum*): Không có.

- Việc phát hiện tham nhũng qua hoạt động khác: Không có.

đ. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của đơn vị: Không có.

e. Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện: Không có.

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: Không có.

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: Không có.

f. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: Không có.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không có.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không có.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:

a. Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Không có.

b. Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện).

Không có.

c. Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng: Không có.

- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ: Không có.

- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu: Không có.

- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN: Không có.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

a. Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của đơn vị trong PCTN.

Triển khai tuyên truyền trong nội bộ đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng; kịp thời thông báo đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xử lý hành vi tham nhũng (nếu có).

b. Những kết quả, đóng góp của đơn vị trong PCTN: Không có.

c. Kết quả bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng: Không có.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN

a. Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng: Không có.

b. Kết quả thực hiện các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong PCTN và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về PCTN: Không có.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

a. Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của đơn vị và nguyên nhân

- Công tác phòng, chống tham nhũng của đơn vị ngày càng tăng cường, trong đó công tác tự kiểm tra nội bộ được Ban lãnh đạo chú trọng. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc tuyên truyền thực hiện thông qua hình thức thiếu phong phú, đa dạng.

b. So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước

Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kiện toàn bộ máy.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...).

Không có.

b. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Không có.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.

Ban Giám đốc Công ty quan tâm tổ chức thực hiện sâu sắc và thường xuyên. Công tác tuyên truyền, quán triệt về phòng, chống tham nhũng được triển khai đến toàn thể người quản lý, lao động quản lý và người lao động.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước.

Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kiện toàn bộ máy.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ về công tác PCTN

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN:

Công tác tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng đôi lúc chưa thường xuyên, liên tục và thiếu chiều sâu, nội dung chưa phong phú.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

a. Phương hướng chung trong thời gian tới

Triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, kê khai minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, lao động quản lý; chuyển đổi vị trí công tác; công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị theo quy định nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả hành vi tham nhũng, tiêu cực.

b. Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện

Phát huy vai trò người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ. Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng; triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định, các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật PCTN và Luật Lâm nghiệp.

c. Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, thực hiện các Chỉ thị, Nghị định đến toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động trong đơn vị về công tác phòng, chống tham nhũng, triển khai sâu rộng bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực.

2. Kiến nghị, đề xuất

Không có.

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy báo cáo đến Quý cấp được biết, tổng hợp và theo dõi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc C.Ty;
- Kiểm soát viên;
- Các bộ phận, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCHC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Viết Bấy

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG*(Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/09/2023)*

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU | GHI CHÚ |
|----|---|------------|---------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN | Văn bản | Không | |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | Không | |
| 3 | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | Không | |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | | |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức | Lớp | Không | |
| 5 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | Không | |
| 6 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản | Tài liệu | Không | |
| 7 | Số lượng băng rôn, áp phích về PCTN được treo | Băng rôn | Không | |
| 8 | Số tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử | tin bài | Không | |
| 9 | Số tin bài được phát sóng, phát thanh trên truyền hình, loa đài | tin bài | Không | |
| | PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | | | |
| | <i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i> | | | |
| 10 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | Không | |
| 11 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | Không | |
| | <i>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch</i> | | | |
| 12 | Số người vi phạm các quy định về công khai, minh bạch bị xử lý (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP) | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về công khai, minh bạch đã bị xử lý, kết quả xử lý</i> | | | |
| | <i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i> | | | |
| 13 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới | Văn bản | Không | |
| 14 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Văn bản | Không | |
| 15 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (tự kiểm tra tại đơn vị, đơn vị trực thuộc hoặc thanh kiểm tra theo thẩm quyền) | Cuộc | Không | |
| 16 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Vụ | Không | |

| | | | | |
|----|---|------------|-------|--|
| | <i>Tên vụ/cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i> | | | |
| 17 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i> | | | |
| 18 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP) | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính, kết quả xử lý</i> | | | |
| 19 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự, kết quả xử lý</i> | | | |
| 20 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | Không | |
| 21 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | Không | |
| | Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | | | |
| 22 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | CQ, TC, ĐV | Không | |
| 23 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý, kết quả xử lý</i> | | | |
| 24 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | Không | |
| 25 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | Không | |
| 26 | Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 Nghị định 59/2019/NĐ-CP) | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm xung đột lợi ích đã bị xử lý, kết quả xử lý</i> | | | |
| 27 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị đã công tác bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ, kết quả xử lý</i> | | | |
| | Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn | | | |
| 28 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | Không | |
| 29 | Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác. | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác đã bị xử lý, kết quả xử lý</i> | | | |
| | Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt | | | |

| | | | | |
|--|--|--------------|-------|--|
| 30 | Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | Không | |
| 31 | Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | Không | |
| 32 | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên | Lướt thủ tục | Không | |
| 33 | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Cuộc | Không | |
| 34 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Vụ | Không | |
| 35 | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1) | Triệu đồng | Không | |
| 36 | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2) | % | Không | |
| Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn | | | | |
| 37 | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người | 22 | Số người kê khai hằng năm : 17 người Số người kê khai phục vụ công tác cán bộ: 05 người |
| 38 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | Không | |
| 39 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV | Không | |
| 40 | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người | Không | |
| 40.1 | Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực | Người | Không | |
| 40.2 | Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người | Không | |
| 40.3 | Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị công tác bị xử lý do có vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, kết quả xử lý | | Không | |
| PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | | | | |
| 41 | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | Không | |
| 42 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người | Không | |
| Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị | | | | |
| 43 | Số cuộc kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị | Cuộc | Không | |
| 44 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Vụ | Không | |
| 45 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Người | Không | |
| 46 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Vụ | Không | |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Người | Không | |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN | Vụ | Không | |

| | | | | |
|----|---|---------|-------|--|
| | - Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra | Vụ | | |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN | Người | Không | |
| | - Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra | Người | | |
| | Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán | | | |
| 50 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Vụ | Không | |
| 51 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người | Không | |
| 52 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Vụ | Không | |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Người | Không | |
| 54 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Vụ | Không | |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Người | Không | |
| | Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | | | |
| 56 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ việc | Không | |
| 57 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét | Vụ việc | Không | |
| 58 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ | Không | |
| 59 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Người | Không | |
| 60 | Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (<i>Điều 85 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>) | Người | Không | |
| | <i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, kết quả xử lý</i> | | | |
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | | | |
| 61 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | Không | |
| 62 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | Không | |
| | Qua các hoạt động khác (ngoài các hoạt động nêu trên, nếu có) | | | |
| 63 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác | Vụ | Không | |
| 64 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác | Người | Không | |
| | Qua điều tra tội phạm | | | |
| 65 | Số vụ án tham nhũng (<i>thuộc phạm vi quản lý</i>) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | Không | |

| | | | | |
|------|---|----------------|-------|--|
| 66 | Số đối tượng tham nhũng (<i>thuộc phạm vi quản lý</i>) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | Không | |
| | Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | | |
| 67 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo | Người | Không | |
| 68 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù | Người | Không | |
| 69 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo | Người | Không | |
| 70 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng | Người | Không | |
| | XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHŨNG | | | |
| 71 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng | Người | Không | |
| 72 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng | Người | Không | |
| 73 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng | Người | Không | |
| 73.1 | - <i>Khiển trách</i> | Người | Không | |
| 73.2 | - <i>Cảnh cáo</i> | Người | Không | |
| 73.3 | - <i>Cách chức</i> | Người | Không | |
| | XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ | | | |
| 74 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>) | Vụ | Không | |
| 75 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>), trong đó: | Người | Không | |
| 75.1 | - <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i> | Người | Không | |
| 75.2 | - <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i> | Người | Không | |
| 75.3 | - <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i> | Người | Không | |
| 75.4 | - <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i> | Người | Không | |
| 76 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | Không | |
| 77 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | Không | |
| 78 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>) | Vụ | Không | |
| 79 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>) | Người | Không | |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được | | | |
| 80 | Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>) | Triệu đồng | Không | |
| 81 | Đất đai | m ² | Không | |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | | |
| 82 | Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>) | Triệu đồng | Không | |
| 82.1 | - <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i> | Triệu | Không | |
| 82.2 | - <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i> | Triệu | Không | |
| 83 | Đất đai | m ² | Không | |
| 83.1 | - <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i> | m ² | Không | |
| 83.2 | - <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i> | m ² | Không | |

| | | | | |
|----|--|----------------|-------|--|
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | | |
| 84 | Bảng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>) | Triệu đồng | Không | |
| 85 | Đất đai | m ² | Không | |
| | PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC | | | |
| 86 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) thuộc phạm vi quản lý | Tổ chức | Không | |
| 87 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN | Tổ chức | Không | |
| 88 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN | Tổ chức | Không | |
| 89 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Vụ | Không | |
| 90 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Người | Không | |
| 91 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự | Người | Không | |
| 92 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ án tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>) | Triệu đồng | Không | |
| 93 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>) | Triệu đồng | Không | |

*** Ghi chú:**

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu;
- Chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu PCTN của đơn vị, địa phương; không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn;
- (1), (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước báo cáo.

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/09/2023)

| TT | Tên vụ | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc, kết quả xử lý | Ghi chú |
|-----------|---------------|--|---|--|----------------|
| 1 | Không | Không | Không | Không | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG(*)*(Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/09/2023)*

| TT | Tên, số, ngày, tháng, năm | Cơ quan ban hành văn bản | Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng | Kết quả khắc phục | | | Ghi chú |
|-----------------|---------------------------|--------------------------|--|-----------------------------------|---------------------|--|----------|
| | | | | Đã được khắc phục theo thẩm quyền | Chưa khắc phục xong | Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong | |
| <i>MS</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> |
| 1 | Không | Không | Không | Không | Không | Không | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| Tổng số: | | | | | | | |

Hướng dẫn cách ghi biểu:

(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4), (5): Điền dấu "X"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "X" tại cột (5)

BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG(*)*(Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/09/2023)*

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU | CỤ THỂ NỘI DUNG |
|----|---|-----------|---------|---|
| 1 | Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc về PCTN, trong đó: | Cuộc | Không | |
| | - Số cuộc kiểm tra, giám sát, đôn đốc về PCTN trong nội bộ cơ quan | Cuộc | Không | |
| | - Số cuộc kiểm tra, giám sát, đôn đốc về PCTN của cơ quan chức năng | Cuộc | Không | |
| 2 | Số vụ việc nghiêm trọng, phức tạp về PCTN được chỉ đạo xử lý | Vụ | Không | |
| 3 | Số văn bản về PCTN hoặc có liên quan đến PCTN đã xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành | Văn bản | Không | |
| 4 | Số kiến nghị khắc phục sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật và trong tổ chức thực hiện để PCTN | Kiến nghị | Không | |
| 5 | Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được công khai | Bản | 21 | Số người kê khai hằng năm: 17 người Số người kê khai phục vụ công tác cán bộ: 04 người |
| 6 | Số người bị kết luận kê khai tài sản, thu nhập không trung thực | Người | Không | |
| 7 | Số cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng | Đơn vị | Không | |
| 8 | Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng | Người | Không | |
| 9 | Số người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao do có xung đột lợi ích | Người | Không | |
| 10 | Số người bị chuyển sang vị trí công tác khác do có xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao | Người | Không | |
| 11 | Số Vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng | Vụ/người | Không | |
| 12 | Số vụ/người tham nhũng bị xử lý kỷ luật | Vụ/người | Không | |

(*) ban hành kèm theo Công văn số 45 /UBND-NC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum